

Bản án số: **51/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 22/11/2019

Về việc: “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đợi, bà Hoàng Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Cường– Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Văn B, sinh năm 1964; Địa chỉ: thôn ST, xã G, huyện M, tỉnh Đắc Nông (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; Nơi đăng ký HKTT: thôn ST, xã G, huyện M, tỉnh Đắc Nông; Trú tại: tổ 9, khối 14, phường KX, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 10/7/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Hồ Văn B trình bày: Vào năm 1999 ông B, bà L đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Đắc Nông. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn ông, bà chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm, cách sống, hay cãi nhau vì những việc nhỏ nhặt trong gia đình, không ai quan tâm đến ai hết. Do đó, ông, bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông Hồ Văn B đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: ông, bà có 01 con chung là cháu Hồ Nguyễn Anh T, sinh ngày 22/01/2002. Khi ly hôn ông đồng ý giao cháu Hồ Nguyễn Anh T cho bà Nguyễn Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: ông Hồ Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung không có.

Theo nội dung đơn xin ly hôn và lời khai tại Tòa án của bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày như sau:

- Về hôn nhân: ông, bà kết hôn với nhau vào năm 1999 có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông; hôn nhân giữa ông, bà hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Ông, bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là vì những việc nhỏ nhặt trong gia đình, không ai quan tâm đến ai, ông B có mối quan hệ với người đàn bà khác nên ông, bà đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của ông Hồ Văn B thì bà muốn liú kéo để con cái có đủ bố, mẹ nhưng ông B vẫn cương quyết xin ly hôn thì bà cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: ông, bà có 01 con chung là cháu Hồ Nguyễn Anh T, sinh ngày 22/01/2002. Khi ly hôn bà L xin được nuôi dưỡng cháu Hồ Nguyễn Anh T, sinh ngày 22/01/2002 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Công nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn B, ông Hồ Văn B được ly hôn với bà Nguyễn Thị L; về con chung: Giao cháu Hồ Nguyễn Anh T, sinh ngày 22/01/2002 cho bà Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng trông nom, chăm sóc, giáo dục, đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: ông Hồ Văn B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Ông Hồ Văn B yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị L, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình (ly hôn) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị L có đăng ký hộ khẩu tại thôn ST, xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Hồ Văn B và bà Nguyễn Thị L là hợp pháp. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, giữa ông, bà không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau. Tại phiên tòa, ông Hồ Văn B cũng thừa nhận, ông không còn tình cảm với bà Nguyễn Thị L, không muốn tiếp tục chung sống với bà L và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, hôn nhân của ông, bà thực sự không đạt được mục đích. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục. Ông, bà đã không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn duy trì cả hai đều thừa nhận đã sống ly thân với nhau từ lâu điều đó thể hiện cuộc sống chung không hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân thật sự không đạt được mục đích. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Hồ Văn B và giải quyết cho ông Hồ Văn B được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị L có nguyện vọng được nuôi con điều này thể hiện trách nhiệm của người làm mẹ đối với con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của các con chưa thành niên.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Hiện nay cháu Hồ Nguyễn Anh T, sinh ngày 22/01/2002 đang ở với mẹ, trong quá trình làm việc tại Tòa án cháu T cho rằng nếu bố, mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ, bà Nguyễn Thị L có công việc ổn định, thu nhập hằng tháng khoảng 5.000.000 đồng nên có điều kiện chăm sóc con chung. Từ những nhận định trên, HĐXX nghĩ, cần giao Hồ Nguyễn Anh T, sinh ngày 22/01/2002 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu ông Hồ Văn B phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết. Trong thời gian chung sống, ông, bà không vay mượn của ai hay cho ai vay mượn tài sản gì nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông Hồ Văn B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51; Điều 56; Điều 58; của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Hồ Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Hồ Văn B được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Nguyễn Anh T, sinh ngày 22/01/2002 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hồ Nguyễn Anh T đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông Hồ Văn B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn, bà Nguyễn Thị L không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu.

4. Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Ông Hồ Văn B phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Hồ Văn B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001688 ngày 02/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKS ND huyện ĐắkMil;
- Chi cục THA DS huyện M;
- UBND xã G, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh